

Bản án số: 115/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-4-2023
V/v: *Tranh chấp ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thiên Hương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Hiến
Bà Nguyễn Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Đình Tuấn – Thư ký TAND huyện K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXX-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 17/2023 ngày 12/4/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Hà Thị Thu G, sinh năm 1990**; HKTT: Số 32, ngõ 1 T, thị trấn C, K, Hà Nội. Nghề nghiệp: Công nhân; Nơi ở từ tháng 3/2022: Số 2 ngõ 3, thôn Cống Thôn, xã C, huyện K, TP Hà Nội. “*Có mặt*”

Bị đơn: **Anh Lê Hồng P, sinh năm 1989**; HKTT và nơi cư trú: Số 32, ngõ 1 T, thị trấn C, K, Hà Nội. “*Vắng mặt*”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/02/2023, các lời khai tại Tòa án trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn chị Hà Thị Thu G trình bày:

Về tình cảm: Tôi và anh Lê Hồng P có tìm hiểu nhau khoảng 02 năm rồi kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện K, TP Hà Nội ngày 27/5/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi sống cùng gia đình anh P, ăn chung ở chung với nhà chồng. Vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, còn từ năm 2014 bắt đầu mâu thuẫn do anh P cờ bạc, báo nợ gia đình khoảng 200 triệu đồng. Từ năm 2014 đến 2019 thì anh P thường xuyên không có trách nhiệm với gia đình về kinh tế, về chăm sóc vợ con. Tôi đã nhiều lần góp ý khuyên

bảo nhưng anh P không thay đổi. Đến tháng 3/2022 sau một lần cãi vã anh P có đuổi tôi ra khỏi nhà và tôi đã dọn ra ngoài để ở. Vợ chồng tôi ly thân từ đó cho đến nay. Đến tháng 8/2022, tôi phát hiện anh P có người phụ nữ khác bên ngoài. Từ khi ly thân vợ chồng tôi không ai quan tâm đến ai, gia đình hai bên để chúng tôi tự giải quyết vì cả hai đã lớn. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lê Hồng P. Về con chung: Tôi và anh P có 02 con chung tên Lê Thị D T, sinh ngày 28/7/2011 và Lê Thị Thu D, sinh ngày 04/11/2014. Trong trường hợp ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Về cấp dưỡng nuôi con tôi và anh P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Hồng P không hợp tác, không đến Tòa án, đến nay không có lời khai tại Tòa án. Tòa án nhân dân huyện K đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án gồm: Thông báo thụ lý vụ án số 29/2023/TLST-HNGĐ ngày 10/02/2023; Thông báo lời khai đương sự số 29/TB-TA ngày 13/02/2023; Các giấy triệu tập đến công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử.

Thu thập chứng cứ, ông Lê Văn Thịnh - bố anh P và chính quyền địa P cung cấp chứng cứ liên quan đến việc xin ly hôn của chị G và anh P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Tòa án huyện K thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán tiến hành tố tụng, xác định quan hệ pháp luật đúng; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật, đảm bảo đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng; Nguyên đơn chấp hành pháp luật, bị đơn không hợp tác, nhiều lần không đến Tòa án. Chị G và anh P có đăng ký kết hôn ngày 27/5/2011 tại UBND thị trấn C, huyện K, TP Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đến tháng 3/2022 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Xét chị G và anh P không còn chung sống với nhau từ tháng 3/2022, chị G và anh P đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng theo các Điều 19 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cho chị G được ly hôn với anh P là có căn cứ. Về con chung: Chị G và anh P có 02 con chung là cháu Lê Thị D T, sinh ngày 28/7/2011 và Lê Thị Thu D, sinh ngày 04/11/2014. Khi ly hôn chị G có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Hiện nay cháu T và cháu D đang sinh sống cùng chị G và đã trên 07 tuổi trong trường hợp bố mẹ ly hôn cháu T và cháu D có nguyện vọng được ở cùng chị G. Xét khi ly hôn, giao cháu T và cháu D cho G được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến khi cháu T và cháu D trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có yêu cầu mới là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con chị G không yêu cầu, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con của anh P cho chị G đến khi cháu T và cháu D trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có yêu cầu mới; Về

tài sản chung, nợ chung: Chị G không yêu cầu, đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết. Về án phí đề nghị áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án lệ phí Tòa án để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Nhận định về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án do chị G có đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án. Về thẩm quyền loại việc, Tòa án cấp huyện có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của BLTTDS. Anh P là bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại số nhà 32, ngõ 1 T, thị trấn C, huyện K, TP Hà Nội, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, TAND huyện K thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo lãnh thổ và cấp Tòa án.

[2]. Nhận định về việc xét xử vắng mặt anh Lê Hồng P: Xét thấy tại phiên tòa hôm nay anh P vắng mặt lần thứ 2 không có lý do chính đáng mà không có người đại diện tham gia phiên tòa, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, HĐXX tiếp tục xét xử vắng mặt anh P là có căn cứ.

[3]. Nhận định về tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng: Chị Hà Thị Thu G và anh Lê Hồng P đăng ký kết hôn ngày 27/5/2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện K, thành phố Hà Nội, có xuất trình giấy chứng nhận kết hôn bản chính, đủ cơ sở kết luận đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

- Về mâu thuẫn vợ chồng: Tại quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa chị G trình bày sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2014 bắt đầu mâu thuẫn, năm 2019 mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do anh P cờ bạc, nợ nần, không có trách nhiệm về kinh tế, về tình cảm với vợ con. Tháng 3/2022 anh P có đuổi chị G ra khỏi nhà, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Việc chị G ly thân với anh P, không còn chung sống với anh P phù hợp với tài liệu chính quyền địa P cung cấp ngày 27/3/2023 và phù hợp với lời khai của ông Lê Văn Thịnh là bố của anh P cung cấp tại biên bản lấy lời khai ngày 01/3/2023 nên có căn cứ xác định chị G đã sống ly thân với anh P từ tháng 3/2022 đến nay. Xét chị G đã ly thân với anh P từ tháng 3/2022 đến nay, đời sống chung vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị G và anh P đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình:

“1. Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác ...”

nên cho chị G được ly hôn với anh P là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Nhận định về con chung vợ chồng: Chị G và anh P có 02 con chung tên Lê Thị D T, sinh ngày 28/7/2011 và Lê Thị Thu D, sinh ngày 04/11/2014 thể hiện bằng bản sao giấy khai sinh. Hiện hai cháu đang sống với chị G thể hiện bằng lời khai của chị G, của 2 con, của ông Thịnh, tài liệu cung cấp của chính quyền địa P. Chị G có nguyện vọng nuôi 2 con, 2 con có nguyện vọng ở với mẹ, trong khi anh P không có quan điểm lời khai về việc nuôi con, xét thấy cháu T và cháu D đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được sống với chị G khi bố mẹ ly hôn, chị G có nghề nghiệp thu nhập ổn định, có nơi cư trú rõ ràng nên khi ly hôn xét giao cháu T và cháu D cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc là đảm bảo quyền lợi cho cháu T và cháu D theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con, chị G không yêu cầu, vì vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Nhận định về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị G không yêu cầu, HĐXX không xem xét giải quyết.

[6]. Nhận định về án phí ly hôn sơ thẩm: Yêu cầu xin ly hôn của chị G được chấp nhận, chị G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, 227, 271, 273, 277 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hà Thị Thu G đối với anh Lê Hồng P. Xử cho chị Hà Thị Thu G được ly hôn với anh Lê Hồng P

2. Về con chung: Chị Hà Thị Thu G và anh Lê Hồng P có 02 con chung tên Lê Thị D T, sinh ngày 28/7/2011 và Lê Thị Thu D, sinh ngày 04/11/2014. Khi ly hôn, giao cháu T và cháu D cho chị Hà Thị Thu G được trực tiếp chăm sóc nuôi

dưỡng đến khi cháu T và cháu D trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có yêu cầu mới. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con của anh P cho chị G cho đến khi cháu T và cháu D trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có yêu cầu mới.

Anh Lê Hồng P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị Hà Thị Thu G không yêu cầu, Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hà Thị Thu G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị G đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2020/0073807 ngày 10/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, nay chuyển thành án phí ly hôn.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Hà Thị Thu G có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Lê Hồng P vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt bản án hợp lệ.

THÀNH PHẦN HĐXX

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vũ Thiên Hương